

TÒA ÁN NHÂN DÂN
THÀNH PHỐ BẾN CÁT
TỈNH BÌNH DƯƠNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 24/2025/HS-ST

Ngày: 14/02/2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN THÀNH PHỐ BẾN CÁT, TỈNH BÌNH DƯƠNG

- **Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:**

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Phạm Ngọc Hoàng An.

Các Hội thẩm nhân dân:

- Ông Lục Kim Thanh - Giáo viên hưu trí.
- Ông Đỗ Minh Tùng - Giáo viên Trường Trung học phổ thông Bến Cát.

- **Thư ký phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Thủy - Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

- **Đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương tham gia phiên tòa:** Bà Nguyễn Thị Xuân Hương - Kiểm sát viên.

Ngày 14 tháng 02 năm 2025, tại Trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 06/2025/TLST-HS ngày 08 tháng 01 năm 2025 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 20/2025/QĐXXST-HS ngày 03 tháng 02 năm 2025 đối với các bị cáo:

1. Lê Hoàng G, sinh năm 2001 tại tỉnh Đồng Nai; hộ khẩu thường trú: Tổ 15, ấp 1, xã T, huyện Đ, tỉnh Đồng Nai; nơi ở: Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 02/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Minh T, sinh năm 1968 và bà Lê Thị N, sinh năm 1973; tiền án: Không;

Tiền sự: Ngày 03/6/2024, bị Công an phường Hòa Phú, thành phố Thủ Dầu Một ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 17/QĐ-XPHC về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền là 1.500.000. Đã đóng tiền phạt vào ngày 09/01/2025.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

2. Trịnh Huyền Trân E (tên gọi khác là D), sinh năm 1997 tại tỉnh Sóc Trăng; hộ khẩu thường trú: Ấp T, xã T, huyện M, tỉnh Sóc Trăng; nơi ở: Khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không;

quốc tịch: Việt Nam; con ông Trịnh Văn T, sinh năm 1955 và bà Võ Thị K, sinh năm 1957; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

3. Võ Văn T, sinh năm 1989 tại tỉnh Kiên Giang; hộ khẩu thường trú: Ấp C, xã T, huyện U, tỉnh Kiên Giang; nơi ở: Khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Võ Văn S (đã chết) và bà Thị E, sinh năm 1951; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

4. Nguyễn Hữu C, sinh năm 2005 tại tỉnh Đắk Lắk; hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở: Khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Không; trình độ văn hóa (học vấn): 12/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Nguyễn Xuân T, sinh năm 1960 và bà Nguyễn Thị M, sinh năm 1975; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

5. Lê Văn T, sinh ngày 14/02/2008 tại tỉnh Đắk Lắk; hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở: Khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 10/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Lê Xuân T, sinh năm 1960 và bà Vi Thị X, sinh năm 1972; tiền án, tiền sự: Không; bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

6. Hà Quốc T, sinh ngày 05/12/2006 tại tỉnh Đắk Lắk; hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk; nơi ở: Khu phố A, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương; nghề nghiệp: Công nhân; trình độ văn hóa (học vấn): 8/12; dân tộc: Thái; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hà Văn M, sinh năm 1981 và bà Lò Thị T, sinh năm 1981; tiền án: Không.

Tiền sự: Ngày 20/5/2024, bị Công an phường Hòa Lợi, thành phố Bến Cát ra Quyết định xử phạt vi phạm hành chính số 101/QĐ-XPHC về hành vi Sử dụng trái phép chất ma túy với số tiền phạt là 750.000 đồng. Đã đóng tiền phạt vào ngày 08/10/2024.

Bị cáo bị bắt tạm giữ, tạm giam từ ngày 24/7/2024 cho đến nay; có mặt tại phiên tòa.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:

1. Bà Lê Thị M, sinh năm 1994.

Hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk - có mặt.

2. Ông Lê Phước H, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Ấp N, xã N, huyện P n, thành phố Cần Thơ - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

3. Bà Trần Thị Thùy L, sinh năm 1980.

Hộ khẩu thường trú: Ấp M, xã V, huyện P, tỉnh Bạc Liêu.

Chỗ ở: Khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người đại diện hợp pháp của bị cáo Thảo:

1. Ông Lê Xuân T, sinh năm 1960 - Là cha ruột - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

2. Bà Vi Thị X, sinh năm 1972 - Là mẹ ruột - có mặt.

Cùng hộ khẩu thường trú: Thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk.

Người bào chữa của bị Thảo: Ông Bùi Duy H, sinh năm 1984 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Người bào chữa của bị cáo Thành: Ông Nguyễn Phước L, sinh năm 1985 - Luật sư thực hiện trợ giúp pháp lý của Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Bình Dương - có yêu cầu xét xử vắng mặt.

Đại diện đoàn thanh niên: Ông Lê Văn T - Bí thư đoàn phường Hòa Lợi, thành phố Bến Cát - có mặt.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Lê Hoàng G là đối tượng sử dụng trái phép chất ma túy. Từ đầu tháng 06/2024, G bắt đầu mua bán ma túy để có tiền tiêu xài và mua ma túy sử dụng. G ở trọ tại phòng trọ số 04, nhà trọ không tên thuộc khu phố 1, phường H, thành phố T, tỉnh Bình Dương.

Lê Văn T, Hà Quốc T và Nguyễn Hữu C là bạn bè quen biết cùng quê ở thôn 3, xã E, huyện E, tỉnh Đắk Lắk. Thảo ở trọ cùng bà Lê Thị M tại phòng trọ số 04, nhà trọ Nguyễn Văn S thuộc khu phố P, phường H, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương.

Trịnh Huyền Trân E và Võ Văn T cùng ở chung tại phòng trọ số 06, nhà trọ Trần Văn C, khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương.

Khoảng 02 giờ, ngày 23/07/2024, G dùng điện thoại di động hiệu Iphone XS, sim số 0348.393.553 gọi điện qua zalo cho đối tượng tên Min (không rõ lai lịch) hỏi mua 1.500.000 đồng ma túy đá thì Min đồng ý và hẹn giao dịch tại khu vực gò mả gần cầu Vĩnh Tân thuộc phường Chánh Phú Hòa, thành phố Bến Cát. Sau đó, G điều khiển xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 65G1-369.71 đi đến điểm hẹn và mua được một gói ma túy với giá 1.500.000 đồng.

Khoảng 03 giờ, ngày 23/07/2024, Nguyễn Hữu C từ tỉnh Đắk Lắk đến phòng trọ số 04, nhà trọ Nguyễn Văn S, khu phố P, phường H của T ở lại chơi chờ tìm việc làm.

Khoảng 18 giờ 00 phút, ngày 23/7/2024, E rủ T hùn mỗi người 100.000 đồng mua ma túy về phòng trọ sử dụng, T đồng ý. Do T không có tiền nên kêu E ứng tiền mua trước, khi nào T có tiền sẽ trả lại. E dùng điện thoại di động hiệu Redmi A2+, sim số 0332.622.055 nhắn tin qua ứng dụng zalo cho G hỏi mua

200.000 đồng ma túy đá và hẹn giao ma túy tại phòng trọ số 06, nhà trọ Trần Văn C. Đến khoảng 19 giờ 40 phút cùng ngày, G điều khiển xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 65G1-369.71 đến phòng trọ E và T để bán cho E một gói nylon hàn kín chứa ma túy đá với giá 200.000 đồng. Sau đó, E lấy bộ dụng cụ sử dụng ma túy có sẵn ở phòng, cắt gói ma túy đá đổ vào nỏ rồi cùng T, G sử dụng. Sau khi sử dụng hết ma túy trong nỏ thì G đi về. T lấy bộ dụng cụ mang vào cất trong túi quần treo trong phòng vệ sinh. Sau đó, E và T đi ngủ. Khoảng 02 giờ 40 phút, ngày 24/7/2024, lực lượng công an tiến hành kiểm tra hành chính phòng số 06, nhà trọ Trần Văn C thuộc khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương của T và E thuê ở, phát hiện một bộ dụng cụ sử dụng ma túy. T và E khai nhận vừa cùng nhau tổ chức sử dụng ma túy và cho G sử dụng.

Khoảng 19 giờ 30 phút, ngày 23/7/2024, C rủ T đến phòng trọ của T để chơi. Đến khoảng 20 giờ 30 phút cùng ngày, C rủ T, T cùng hùn tiền mỗi người 100.000 đồng để mua ma túy đá về sử dụng chung, T và T đồng ý. Do Thảo và T không có tiền nên C bỏ trước số tiền 300.000 đồng để mua ma túy. Lúc này, T mượn điện thoại di động của C kết bạn zalo với tài khoản zalo tên “G Minxi” của G và hỏi mua 300.000 đồng ma túy đá thì G đồng ý và hẹn giao ma túy tại khu vực ngã ba Phú Hòa, phường Hòa Lợi. Sau đó, T mượn xe mô tô biển số 94AH – 035.40 của bà M nói đi công việc rồi điều khiển xe mô tô chở C đi đến khu vực ngã ba Phú Hòa, phường Hòa Lợi gặp G mua được một gói ma túy đá. Sau khi đem ma túy về phòng trọ, C mở ba lô của mình lấy ra bộ dụng cụ sử dụng ma túy đá, T lấy gói ma túy vừa mua được đổ hết vào trong nỏ cùng nhau sử dụng hết. C cất bộ dụng cụ vào trong balo sau đó C, T, T đi ngủ. Khoảng 23 giờ 45 phút cùng ngày, lực lượng công an kiểm tra hành chính phát hiện một bộ dụng cụ sử dụng ma túy, T, C, T khai nhận vừa cùng nhau mua ma túy của G và tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy tại phòng trọ.

Đến khoảng 02 giờ 30 phút, ngày 24/7/2024, tại khu vực hẻm Hòa Lợi 057 thuộc khu phố Phú Nghi, phường Hòa Lợi, lực lượng công an phát hiện Giang đang điều khiển xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 65G1-369.71 nên yêu cầu dừng xe kiểm tra. Quá trình kiểm tra, G ném một gói nylon hàn kín chứa ma túy đá xuống dưới chân chỗ G đang đứng, lực lượng công an tiến hành thu giữ tang vật và bắt người phạm tội quả tang đối với G. Tại cơ quan công an, G khai nhận ngoài bán ma túy cho T và C, G còn bán ma túy cho T và E. Số tiền 200.000 đồng bị thu giữ là tiền bán ma túy có được.

Vật chứng thu giữ:

- Một gói nylon hàn kín chứa tinh thể màu trắng; một xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 65G1-069.71; một điện thoại di động hiệu Iphone XS, sim số 0348.393.553 và số tiền 200.000 đồng của G.

- Một bộ dụng cụ sử dụng ma túy và một hộp quẹt khò tại phòng trọ của T.

- Một bộ dụng cụ sử dụng ma túy và một hộp quẹt khò tại phòng trọ của T và E.

- Một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro, sim số 0862.930.450 của C; một điện thoại di động hiệu Redmi A2+, sim số 0332.622.055 của E.

Theo Kết luận giám định số 3577/KL-KTHS (MT) ngày 02/08/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1131gam, loại Methamphetamine. Hoàn lại 0,0857gam ma túy đựng trong thùng giấy ghi số 3577/PC09.

Theo Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 6306/KLGĐĐT-C09B ngày 21/10/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Vào tháng 10 năm 2024, Hà Quốc T có độ tuổi 17 năm 09 tháng đến 18 năm 03 tháng.

Tại bản Cáo trạng số 27/CT-VKSBC ngày 08 tháng 01 năm 2025 của Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương đã truy tố bị cáo Lê Hoàng G về tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Trịnh Huyền Trân E và Võ Văn T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017; truy tố các bị cáo Nguyễn Hữu C, Lê Văn T, Hà Quốc T về tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Tại phiên tòa, đại diện Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát tham gia phiên tòa trình bày lời luận tội có nội dung vẫn giữ nguyên quyết định Cáo trạng đã truy tố, đánh giá tính chất, mức độ hành vi phạm tội của các bị cáo gây ra và các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự; đề nghị Hội đồng xét xử:

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Lê Hoàng G từ 08 năm 06 tháng tù đến 09 năm tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Trịnh Huyền Trân E từ 07 năm tù đến 08 năm 03 tháng tù.

- Áp dụng điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Võ Văn T từ 07 năm tù đến 08 năm tù.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017: Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C từ 07 năm tù đến 08 năm 06 tháng tù.

- Áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91; Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Xử phạt bị cáo Lê Văn T từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù.

Xử phạt bị cáo Hà Quốc T từ 05 năm tù đến 05 năm 06 tháng tù.

* Về vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên:

- Tịch thu tiêu hủy: 0,0857gam ma túy đựng trong bì thư ghi số 3577/PC09, một sim số 0862.930.450, một sim số 0332.622.055, 0348.393.553, hai bộ dụng cụ sử dụng ma túy và hai hộp quẹt khò.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 200.000 đồng; một xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 65G1-069.71; một điện thoại di động hiệu Iphone XS; một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro; một điện thoại di động hiệu Redmi A2+.

Theo Luận cứ bào chữa cho bị cáo Lê Văn T, người bào chữa ông Bùi Duy H trình bày: Về tình tiết định tội, lượng hình trong phần luận tội của Viện Kiểm sát là có cơ sở. Căn cứ vào các chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, lời khai của bị cáo nhận thấy bị cáo T thật sự ăn năn, hối lỗi, bị cáo phạm tội lần đầu, không hiểu biết về pháp luật, do đó, thống nhất với tình tiết giảm nhẹ tại điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 trong bản luận tội. Đồng thời, đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng thêm điểm l, t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo. Bị cáo phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi. Bị cáo phạm tội cũng vì bị các bị cáo khác lôi kéo, xúi giục, bị cáo chưa nhận thức được tính chất nguy hiểm cho xã hội của hành vi mình gây ra nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Chương XII Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 khi lượng hình. Bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ nên đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để quyết định cho bị cáo một mức án thấp nhất nhằm tạo điều kiện cho bị cáo sớm hòa nhập với cộng đồng, được học tập, lao động, cải tạo bản thân trở thành người có ích cho xã hội.

Theo Bản luận cứ bào chữa, người bào chữa ông Lê Phước L trình bày: Qua nghiên cứu hồ sơ vụ án thể hiện lời khai của các bị cáo phù hợp với các tài liệu chứng cứ đã thu thập, đồng thời, bị cáo đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình nên về tội danh thống nhất theo như cáo trạng mà vị đại diện viện kiểm sát đã truy tố. Bị cáo chưa thành niên nên việc nhận thức pháp luật hạn chế. Đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm b, c khoản 2 Điều 255, khoản 1 Điều 51, Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để được hưởng mức án thấp nhất, nhằm thể hiện chính sách khoan hồng của pháp luật dành cho người chưa thành niên phạm tội.

Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo không có ý kiến gì về quyết định truy tố, bản luận tội của Viện Kiểm sát.

Bị cáo nói lời sau cùng: Xin Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tố tụng: Hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an thành phố Bến Cát, Điều tra viên, Viện Kiểm sát nhân dân thành phố Bến Cát, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục, quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo không có ý kiến hay khiếu nại gì về hành vi, quyết định của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Tại phiên tòa, các bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội của mình đúng như bản Cáo trạng truy tố. Lời khai của các bị cáo tại phiên tòa phù hợp với lời khai của các bị cáo tại cơ quan điều tra và các chứng cứ, tài liệu đã thu thập tại hồ sơ vụ án. Do đó, Hội đồng xét xử có đủ cơ sở kết luận:

- Ngày 23/7/2024, E và T có hành vi dùng phòng trọ số 06 do mình đang ở tại nhà trọ Trần Văn C thuộc khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương, cùng hùn tiền mua 200.000 đồng ma túy của G để cùng nhau sử dụng và cùng tổ chức cho G sử dụng hết số ma túy.

- Ngày 23/7/2024, T có hành vi dùng phòng trọ số 04 tại nhà trọ Nguyễn Văn S thuộc khu phố P, phường H, thành phố B, tỉnh Bình Dương, cùng hùn tiền với T và C mua 300.000 đồng ma túy đá của G về cùng nhau tổ chức sử dụng hết số ma túy.

- Khoảng 03 giờ, ngày 23/07/2024, G điều khiển xe mô tô hiệu Honda Sonic biển số 65G1-369.71 đến phòng trọ của E và T để bán cho E một gói nylon hàn kín chứa ma túy đá với giá 200.000 đồng. Khoảng 19 giờ 50 phút, ngày 23/7/2024, tại khu vực ngã ba Phú Hòa, phường Hòa Lợi, G có hành vi bán cho C và T một gói nylon hàn kín chứa ma túy đá. Ngày 24/7/2024, tại khu vực hẻm Hòa Lợi 057 thuộc khu phố Phú Nghi, phường Hòa Lợi, thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương, G đang chuẩn bị bán ma túy thì bị lực lượng công an phát hiện bắt giữ.

Theo Kết luận giám định số 3577/KL-KTHS (MT) ngày 02/08/2024 của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương, kết luận: Mẫu tinh thể màu trắng, gửi giám định là ma túy, khối lượng 0,1131gam, loại Methamphetamine.

Methamphetamine là chất ma túy nằm trong danh mục các chất ma túy được dùng hạn chế trong phân tích, kiểm nghiệm, nghiên cứu khoa học, điều tra tội phạm hoặc trong lĩnh vực y tế theo quy định của Nhà nước.

Như vậy:

- Với hành vi một lần bán ma túy cho T và C, một lần bán ma túy cho E và T cùng một lần tàng trữ 0,1131gam ma túy, loại Methamphetamine chuẩn bị đem bán, bị cáo G đã phạm vào tội “Mua bán trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Với hành vi dùng chỗ ở của mình, cùng hùn tiền mua ma túy để cùng sử dụng và tổ chức cho G sử dụng trái phép chất ma túy, bị cáo E và T đã phạm

vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b khoản 2 Điều 255 Bộ luật hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

- Theo Kết luận giám định độ tuổi trên người sống số 6306/KLGĐĐT-C09B ngày 21/10/2024 của Phân viện Khoa học Hình sự Thành phố Hồ Chí Minh, kết luận: Vào tháng 10 năm 2024, T có độ tuổi 17 năm 09 tháng đến 18 năm 03 tháng và Giấy khai sinh số 57/2008, quyền số 08 ngày 01/4/2008 của Ủy ban nhân dân xã Ea Rôk, huyện Ea Súp, tỉnh Đắk Lắk thể hiện T sinh ngày 14/02/2008. Như vậy, căn cứ vào các chứng cứ nêu trên và Điều 6 Thông tư số 06/2018/TTLT-VKSNDTC-TANDTC-BCA-BTP-BLĐT BXH ngày 21/12/2018 của Viện Kiểm sát nhân dân tối cao – Tòa án nhân dân tối cao – Bộ Công an – Bộ Tư pháp – Bộ Lao động – Thương binh và xã hội thì tại thời điểm phạm tội, T chỉ mới 16 tuổi 05 tháng 10 ngày và T là 17 tuổi 06 tháng, chưa đủ 18 tuổi. Như vậy, với hành vi dùng chỗ ở của mình, cùng hùn tiền mua ma túy để cùng sử dụng, trong đó T, T chưa đủ 18 tuổi, bị cáo C, T và T đã phạm vào tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy” theo quy định tại điểm b, c khoản 2 Điều 255 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017.

Hành vi của các bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm chính sách độc quyền quản lý của Nhà nước về chất ma túy đồng thời còn xâm phạm trật tự an toàn xã hội. Bị cáo G và T còn có một tiền sự về hành vi sử dụng trái phép chất ma túy. Do đó cần có một hình phạt nghiêm khắc, tương xứng với hành vi phạm tội của các bị cáo nhằm cải tạo giáo dục các bị cáo trở thành người tốt và góp phần răn đe phòng ngừa chung.

Bị cáo T và T phạm tội khi chưa đủ 18 tuổi, nhận thức pháp luật còn hạn chế, Hội đồng xét xử sẽ áp dụng quy định về xử phạt người chưa thành niên đối với các bị cáo.

Quá trình các bị cáo C, T, T tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy, bà M không biết nên bà không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo. Quá trình điều tra, truy tố, các chủ nhà trọ nơi các bị cáo thuê phòng trọ để ở không biết các bị cáo thực hiện hành vi phạm tội tại phòng trọ của mình nên họ cũng không liên quan đến hành vi phạm tội của các bị cáo.

[3] Các bị cáo phạm tội không có tình tiết tăng nặng.

[4] Tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của các bị cáo: Trong quá trình điều tra và tại phiên tòa các bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải nên áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo. Bị cáo C, T, T là người dân tộc thiểu số, bị cáo T có cha là người có công với cách mạng, được Nhà nước tặng thưởng huân huy chương hạng nhất nên áp dụng quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 để giảm nhẹ hình phạt cho các bị cáo.

[5] Về xử lý vật chứng:

- Khối lượng 0,0857gam ma túy đựng trong bì thư ghi số 3577/PC09, một sim số 0862.930.450 của C, một sim số 0332.622.055 của E, một sim số

0348.393.553 của G, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy và một hộp quẹt khò của E, một bộ dụng cụ sử dụng ma túy và một hộp quẹt khò của C là những vật bị hạn chế lưu hành, sử dụng liên lạc để phạm tội, không có giá trị sử dụng nên cần tịch thu tiêu hủy.

- Số tiền 200.000 đồng là tiền do bị cáo G phạm tội mà có; một xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 65G1-069.71 là phương tiện bị cáo G điều khiển để đi mua bán ma túy; một điện thoại di động hiệu Iphone XS; một điện thoại di động hiệu Iphone 12 Pro; một điện thoại di động hiệu Redmi A2+ là các công cụ bị cáo sử dụng liên lạc để phạm tội nên cần tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước.

[6] Đối với đối tượng đối tượng tên Min (không rõ lai lịch) bán ma túy cho Lê Hoàng G, hiện Cơ quan Cảnh sát điều tra đang tiếp tục, xác minh làm rõ, khi xác định được sẽ xử lý sau.

[7] Lời bào chữa của người bào chữa của bị cáo T về việc đề nghị Hội đồng xét xử áp dụng điểm 1, t khoản 1 Điều 51, Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 là chưa phù hợp vì: Bị cáo T có trình độ học vấn là 10/12. Tại phiên tòa, bị cáo thừa nhận đã được tuyên truyền về tác hại của ma túy nhưng vẫn muốn sử dụng thử, trước khi có hành vi phạm tội, bị cáo có tinh thần tỉnh táo nên không thể nói bị cáo phạm tội khi bị hạn chế về khả năng nhận thức. Sau khi bị bắt, bị cáo có thái độ thành khẩn khai báo, hối cải về hành vi của mình nên đã được Hội đồng xét xử nhận định áp dụng điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Quá trình điều tra, truy tố, xét xử, bị cáo chưa có hành động tích cực trong việc cung cấp tang vật hoặc cung cấp thông tin về hành vi phạm tội khác nên chưa đủ căn cứ để áp dụng điểm t khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Vì bị cáo không đủ tình tiết giảm nhẹ theo khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự nên chưa đủ căn cứ để áp dụng Điều 54 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017. Các ý kiến khác của người bào chữa là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

[8] Lời bào chữa của người bào chữa của bị cáo Thành là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

[9] Ý kiến của đại diện Viện Kiểm sát là phù hợp nên có căn cứ để chấp nhận.

[10] Về án phí: Các bị cáo phải chịu theo quy định pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 251; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Lê Hoàng G phạm tội “Mua bán trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Lê Hoàng G 09 (chín) năm tù.

Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2024.

2. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Trịnh Huyền Trân E phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Trịnh Huyền Trân E 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2024.

3. Căn cứ điểm b khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Võ Văn T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Võ Văn T 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2024.

4. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố bị cáo Nguyễn Hữu C phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

Xử phạt bị cáo Nguyễn Hữu C 07 (bảy) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2024.

5. Căn cứ điểm b, c khoản 2 Điều 255; điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51; Điều 91, Điều 101 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017:

Tuyên bố các bị cáo Lê Văn T, Hà Quốc T phạm tội “Tổ chức sử dụng trái phép chất ma túy”.

- Xử phạt bị cáo Lê Văn T 05 (năm) năm tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2024.

- Xử phạt bị cáo Hà Quốc T 05 (năm) năm 06 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2024. Thời hạn tù tính từ ngày 24/7/2024.

6. Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 46, 47 Bộ luật Hình sự năm 2015, được sửa đổi, bổ sung năm 2017 và Điều 106 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015:

- Tịch thu tiêu hủy: Một bì thư niêm phong ghi số 3577/PC09, có chữ ký của Lê Hoàng G, chữ ký của Nguyễn Anh T, chữ ký Đoàn Nguyễn Thiện Q và hình dấu đỏ niêm phong của Phòng Kỹ thuật hình sự Công an tỉnh Bình Dương; một sim số 0862.930.450; một sim số 0332.622.055; một sim số 0348.393.553; hai bộ dụng cụ sử dụng ma túy và hai hộp quẹt khò.

- Tịch thu nộp Ngân sách Nhà nước: Số tiền 200.000 đồng; một xe mô tô nhãn hiệu Honda Sonic, biển số 65G1-069.71, số máy KB11E1245665; một điện thoại di động kiểu dáng Iphone XS; một điện thoại di động kiểu dáng Iphone 12 Pro; một điện thoại di động hiệu Redmi A2+.

(Theo Biên bản giao nhận vật chứng ngày 04/02/2025 của Chi cục Thi hành án dân sự thành phố Bến Cát và Lệnh thanh toán lập ngày 10/02/2025 của Ngân hàng Nông nghiệp và Phát triển nông thôn Việt Nam - Chi nhánh thành phố Bến Cát, tỉnh Bình Dương).

7. Về án phí hình sự sơ thẩm: Căn cứ Điều 136 Bộ luật Tố tụng hình sự năm 2015; Điều 147 Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015; Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban Thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án: Bị cáo Lê Hoàng G, Trịnh Huyền Trân E, Võ Văn T, Nguyễn Hữu C, Lê Văn T, Hà Quốc T, mỗi bị cáo phải nộp 200.000 đồng (hai trăm nghìn đồng).

Các bị cáo, người đại diện hợp pháp của bị cáo, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án sơ thẩm.

Người bào chữa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án được quyền kháng cáo Bản án trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày Bản án được niêm yết công khai./.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Bình Dương;
- VKSND tỉnh Bình Dương;
- VKSND thành phố Bến Cát;
- Chi cục THA thành phố Bến Cát;
- Sở Tư pháp tỉnh Bình Dương;
- Công an thành phố Bến Cát;
- Người tham gia tố tụng;
- Nhà tạm giữ CA thành phố Bến Cát;
- Lưu: Hồ sơ, TA (01).

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TOẠ PHIÊN TOÀ**

Phạm Ngọc Hoàng An